TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 29-01-2021.
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Minh Biên.**
2. Ông **Bùi Văn Giang**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thu Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2020/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vương Thị Ch- Sinh năm: 1982;
Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Tày; Trình độ văn hóa: 08/12.
Địa chỉ: Thôn Bản Sám, xã Ngọc M, huyện V, tỉnh H; Hôm nay: Vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lưu Thanh V- Sinh năm: 1980
Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Tày; Trình độ văn hóa: 09/12.
Địa chỉ: Thôn Bản Sám, xã Ngọc M, huyện V, tỉnh H. Hôm nay: Vắng mặt.

\

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 02-10-2020 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, Chị Vương Thị Ch trình bày: Chị Chúc và Anh Lưu Thanh V trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau vợ, chồng về chung sống với nhau từ tháng 12 năm 1999, nhưng đến ngày 03-4-2000 vợ, chồng mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc M, huyện V, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ, chồng chị chung sống hạnh phúc. Đến năm 2017 vợ, chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình chị Ch có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau vợ, chồng chị Ch đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị Ch có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với Anh Lưu Thanh V để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị Ch, anh V có hai con chung là cháu Lưu Thị Đ - Sinh ngày: 30-10-2000 và cháu Lưu Văn H - Sinh ngày: 20-4-2002; Hiện nay các cháu đã trưởng thành chị Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị Ch, anh V tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Lưu Thanh V trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự ghi ngày 04-11-2020, ngày 06-11-2020 mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải có nội dung: Anh V trình bày phù hợp với lời khai của chị Ch. Sau khi kết hôn vợ, chồng anh chung sống hòa thuận. Đến năm 2017 vợ, chồng anh phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do chị Ch đi làm thuê ở tỉnh Bắc G nên từ đó cuộc sống gia đình anh có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau vợ, chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng. Nay chị Ch có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh V không nhất trí, anh V mong chị Ch quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có hai con chung là cháu Lưu Thị Đ - Sinh ngày: 30-10-2000 và cháu Lưu Văn H - Sinh ngày: 20-4-2002; Hiện nay các cháu đã trưởng thành anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ, chồng anh V tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các đương sự không thỏa thuận được. Tòa án đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa chị Ch vắng mặt Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung đơn và lời khai của chị Ch có quan điểm giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh V; Về con chung có hai con là cháu Lưu Thị Đ - Sinh ngày: 30-10-2000 và cháu Lưu Văn H - Sinh ngày: 20-4-2002; Hiện nay các cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh V vắng mặt Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung đơn giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn; Về con chung có hai con là cháu Lưu Thị Đ - Sinh ngày: 30-10-2000 và cháu Lưu Văn H - Sinh ngày: 20-4-2002; Hiện nay các cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Đề nghị HĐXX xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của Chị Vương Thị Ch đối với anh Lưu Thanh V.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Ch và Anh Lưu Thanh V ly hôn.

3. Về con chung: Chị Ch và anh V có hai con là cháu Lưu Thị Đ - Sinh ngày: 30-10-2000 và cháu Lưu Văn H - Sinh ngày: 20-4-2002; Hiện nay các cháu đã trưởng thành chị Ch, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về tài sản, công nợ chung: Chị Ch và anh V tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của Chị Vương Thị Ch về việc xin ly hôn với Anh Lưu Thanh V được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Ch và Anh Lưu Thanh V tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 03-4-2000 tại Ủy ban nhân dân xã Ngọc M, huyện V, tỉnh H nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị Ch và anh V là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hòa thuận, đến năm 2017 vợ, chồng chị Ch, anh V phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ch có đơn xin ly hôn với anh V. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị Ch và anh V cuộc sống chung không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ch đối với anh V là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Không chấp nhận yêu cầu của anh V đề nghị chị Ch về đoàn tụ gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Ch, anh V có hai con chung là cháu Lưu Thị Đ - Sinh ngày: 30-10-2000 và cháu Lưu Văn H - Sinh ngày: 20-4-2002; Hiện nay các cháu đã trưởng thành chị Ch, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Ch và anh V tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ch là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Vương Thị Ch và Anh Lưu Thanh V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Về việc "Ly hôn" của Chị Vương Thị Ch đối với anh Lưu Thanh V.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vương Thị Ch và Anh Lưu Thanh V ly hôn.

3. *Về con chung*: Hiện nay các cháu đã trưởng thành chị Ch, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. *Về án phí:* Chị Vương Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 01559 ngày 03 tháng 11 năm 2020 (Chị Ch đã nộp đủ án phí)

5. *Quyền kháng cáo*: Báo cho chị Ch, anh V biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện V;*
- *TAND tỉnh;*
- *UBND xã Ngọc M, huyện V,*
- *Chi cục Thi hành án dân sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Anh Luyện